

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY (CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN) THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG**

(Ban hành kèm theo quyết định số: 1119/QĐ-ĐHTL ngày 17 tháng 8 năm 2021)

STT	Tên môn học (Tiếng Việt)	Tên môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn phụ trách	Số TC	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			68									
1.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			13									
1	Pháp luật đại cương	General Law	GEL111	Mác - Lênin	2	2								
2	Triết học Mác - Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	MLP121	Mác - Lênin	3		3							
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	MLPE222	Mác - Lênin	2			2						
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	SCSO232	Mác - Lênin	2				2					
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	HCPV343	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					2				
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	HCMT354	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2						2			
1.2	Khoa học tự nhiên và tin học	Natural Science & computer			33									
7	Vật lý đại cương 1	University Physics 1	PHYS2013	Vật lý	4			4						
8	Toán 1	Calculus 1	MATH2013	Toán học	4			4						
9	Hoá học đại cương 1	University Chemistry 1	CHEM2013	Hóa cơ sở	3			3						
10	Hoá học đại cương 2	University Chemistry 2	CHEM2034	Hóa cơ sở	3				3					
11	Thí nghiệm hoá học đại cương	University Chemistry Lab	CHEM2023	Hóa cơ sở	1				1					
12	Toán 2	Calculus 2	MATH2024	Toán học	4				4					
13	Vật lý đại cương 2	University Physics 2	PHYS2024	Vật lý	4				4					
14	Toán 3	Calculus 3	MATH3035	Toán học	4					4				
15	Xác suất thống kê	Engineering Statistics	INEG3017	Toán học	3						3			
16	Phương trình vi phân thường	Differential Equations	MATH3046	Toán học	3							3		
1.3	Tiếng Anh	English			22									
17	Tiếng Anh nâng cao - Kỹ năng Nghe 1	Advanced English - Listening Skill 1	ENGL1011	Tiếng Anh	2	2								
18	Tiếng Anh nâng cao - Kỹ năng Nói 1	Advanced English - Speaking Skill 1	ENGL1021	Tiếng Anh	2	2								
19	Tiếng Anh nâng cao - Kỹ năng Đọc 1	Advanced English - Reading Skill 1	ENGL1031	Tiếng Anh	2	2								

STT	Tên môn học (Tiếng Việt)	Tên môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn phụ trách	Số TC	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
20	Tiếng Anh nâng cao - Kỹ năng Viết 1	Advanced English - Writing Skill 1	ENGL1041	Tiếng Anh	2	2								
21	Tiếng Anh nâng cao - Kỹ năng Nghe 2	Advanced English - Listening Skill 2	ENGL1052	Tiếng Anh	2		2							
22	Tiếng Anh nâng cao - Kỹ năng Nói 2	Advanced English - Speaking Skill 2	ENGL1062	Tiếng Anh	2		2							
23	Tiếng Anh nâng cao - Kỹ năng Đọc 2	Advanced English - Reading Skill 2	ENGL1072	Tiếng Anh	2		2							
24	Tiếng Anh nâng cao - Kỹ năng Viết 2	Advanced English - Writing Skill 2	ENGL1082	Tiếng Anh	2		2							
25	Tiếng Anh chuyên ngành	English for Civil Engineering	ENGL1092	Công trình Biển và đường thủy	3		3							
26	Viết luận 1	Composition 1	COMP2015	Tiếng Anh	3			3						
1.4	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education		Trung tâm Giáo dục Quốc phòng An ninh	165 (tiết)		165*							
1.5	Giáo dục thể chất	Physical Education		Giáo dục thể chất	5*	1*	1*	1*	1*	1*				
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			87									
2.1	Kiến thức bắt buộc				79									
27	Nhập môn kỹ thuật xây dựng	Introduction to Civil Engineering	CVE2013	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	2			2						
28	Vẽ kỹ thuật xây dựng	Engineering Drawings	GNEG2033	Đồ họa kỹ thuật	2			2						
29	Tĩnh học	Statics	MEEG2014	Cơ học kỹ thuật	3				3					
30	Đồ họa và tính toán kỹ thuật	Engineering Graphic and Computation	CVE2024	Trắc địa	3				3					
31	Trắc địa	Surveying Systems	CVEG3015	Trắc địa	3					3				
32	Thực tập trắc địa	Surveying Systems Lab	CVEG3025	Trắc địa	1					1				
33	Sức bền vật liệu	Mechanics of Materials	CVE3015	Sức bền - Kết cấu	3					3				
34	Địa chất công trình	Geology for Engineers	GEOL3015	Địa kỹ thuật	3					3				
35	Thực tập địa chất công trình	Geology for Engineers Laboratory/Field trip	GEOL3025	Địa kỹ thuật	1					1				
36	Động lực học	Dynamics	MEEG3025	Cơ học kỹ thuật	3					3				
37	Cơ học kết cấu	Structural Analysis	CVE3056	Sức bền - Kết cấu	3						3			
38	Vật liệu xây dựng	Structural Materials	CVE3026	Vật liệu xây dựng	3						3			
39	Cơ học chất lỏng	Fluid Mechanics	CVE3036	Thủy lực	3						3			
40	Thí nghiệm Cơ học chất lỏng	Fluid Mechanics Lab	CVE3046	Thủy lực	1						1			

[illegible]

STT	Tên môn học (Tiếng Việt)	Tên môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn phụ trách	Số TC	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
6	Kỹ thuật thi công	Construction Technology	CVEG4299	Công nghệ và quản lý xây dựng	3									3
7	Thiết kế đê và công trình bảo vệ bờ	Design of Dikes and Shore Protection Structures	CEHS448	Thủy công	3									3
8	Quản lý dự án	Project Management	PJM418	Công nghệ và quản lý xây dựng	2									2
9	Các vấn đề thực tiễn chuyên ngành	Professional Practice Issues	CVEG4138	Công nghệ và quản lý xây dựng	3									3
10	Thiết kế các công trình bảo vệ môi trường	Environmental Engineering Design	CVEG4149	Kỹ thuật và quản lý môi trường	3									3
11	Thiết kế hệ thống thủy lợi	Irrigation system design	CIVE4238	Kỹ thuật tài nguyên nước	3									3
12	Cấp thoát nước	Water supply and Drainage		Cấp thoát nước	3									3
13	Đồ án thiết kế môi trường	Environmental Design Project	CVEG4179	Kỹ thuật và quản lý môi trường	5									5
14	Đồ án thiết kế địa kỹ thuật	Geotechnical Design Project	CVEG4189	Địa kỹ thuật	5									5
15	Đồ án thiết kế kết cấu	Structural Design Project	CVEG4199	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	5									5
16	Đồ án thiết kế giao thông	Transportation Design Project	CVEG4209	Công trình giao thông	5									5
17	Đồ án thiết kế thủy công	Hydraulic Structures Design Project	CVEG4249	Thủy công	5									5
18	Đồ án công nghệ và quản lý xây dựng	Project of construction technology and management	CVEG4289	Công nghệ và quản lý xây dựng	5									5
19	Đồ án kỹ thuật tài nguyên nước	Senior Project Design	CIVE4169	Kỹ thuật tài nguyên nước	5									5
20	Đồ án cấp thoát nước	Senior Project Design of water supply & drainage		Cấp thoát nước	5									5
	Tổng cộng (I + II)	Total			155	10	14	20	20	20	18	19	18	16